

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH
CÔNG TY CỔ PHẦN

----- ❁ ❁ -----

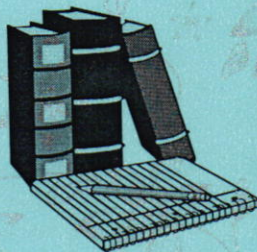


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

----- ❁ ❁ -----

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4/2017

----- ❁ ❁ -----



Nơi nhận:

Bình Định, ngày 25 tháng 01 năm 2018

MỤC LỤC

	Trang
Mục lục	1
1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất	2-5
2. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất	6
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7-8
4. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9-37

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu B 01 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/12/2017	Số đầu năm 01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		173.650.960.251	166.333.104.417
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V. 1	3.759.691.314	19.875.119.663
1. Tiền	111		3.759.691.314	18.460.124.989
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.414.994.674
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		14.400.000.000	32.250.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V. 2a	14.400.000.000	32.250.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		81.150.149.459	44.804.039.391
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V. 3	61.547.471.807	43.423.278.293
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V. 4	19.060.175.060	1.166.082.803
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		3.250.000.000	2.350.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V. 5	1.194.780.681	1.480.398.482
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V. 7	(3.902.278.089)	(3.615.720.187)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140	V. 6	70.113.981.227	63.228.268.776
1. Hàng tồn kho	141		70.113.981.227	63.228.268.776
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.227.138.251	6.175.676.587
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V. 12	160.938.010	189.202.314
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.065.170.736	5.051.197.064
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V. 16	1.029.505	935.277.209
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/12/2017	Số đầu năm 01/01/2017
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		330.897.142.628	339.595.724.037
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.927.080.660	3.924.080.660
6. Phải thu dài hạn khác	216	V. 5	3.927.080.660	3.924.080.660
II. Tài sản cố định	220		95.314.027.563	87.736.575.882
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V. 9	83.137.105.627	68.619.693.178
<i>Nguyên giá</i>	222		145.047.659.645	125.015.189.819
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(61.910.554.018)	(56.395.496.641)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V. 10	12.176.921.936	19.116.882.704
<i>Nguyên giá</i>	228		13.661.264.000	20.279.084.480
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.484.342.064)	(1.162.201.776)
III. Bất động sản đầu tư	230	V. 11	34.283.634.428	39.279.809.864
<i>Nguyên giá</i>	231		84.632.129.355	84.139.881.173
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(50.348.494.927)	(44.860.071.309)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		881.127.009	14.152.248.981
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V. 8b	881.127.009	14.152.248.981
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		189.854.386.229	188.639.766.543
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V. 2b	183.340.926.706	181.203.146.547
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V. 2b	7.451.619.996	7.436.619.996
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(938.160.473)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.636.886.739	5.863.242.107
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V. 12	6.636.886.739	5.863.242.107
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		504.548.102.879	505.928.828.454

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/12/2017	Số đầu năm 01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		144.887.191.013	144.311.681.617
I. Nợ ngắn hạn	310		95.976.860.532	100.400.590.623
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V. 14	17.173.112.849	23.129.521.608
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V. 15	3.348.026.482	7.373.217.255
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V. 16	2.880.036.433	1.371.446.464
4. Phải trả người lao động	314		6.383.592.179	11.951.443.776
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V. 17	1.737.092.489	1.898.182.214
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V. 20a	6.672.121.412	6.338.563.368
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V. 18	2.018.727.842	4.657.225.482
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V. 13	55.074.161.885	43.114.142.276
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V. 19	689.988.961	566.848.180
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		48.910.330.481	43.911.090.994
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V. 20b	37.106.949.769	23.514.379.415
7. Phải trả dài hạn khác	337		4.928.380.712	4.928.380.712
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V. 13	6.875.000.000	15.468.330.867
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

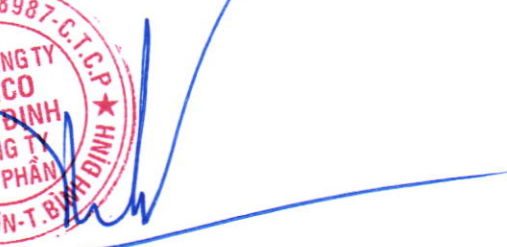
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/12/2017	Số đầu năm 01/01/2017
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		359.660.911.866	361.617.146.837
I. Vốn chủ sở hữu	410		359.660.911.866	361.617.146.837
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V. 21	275.000.000.000	275.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		275.000.000.000	275.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V. 21	522.569.600	522.569.600
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V. 21	-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V. 21	26.646.286.983	26.695.932.326
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V. 21	12.703.335.540	9.009.227.540
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V. 21	38.726.624.314	42.730.987.268
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		16.166.918.832	13.429.671.547
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		22.559.705.482	29.301.315.721
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	V. 22	6.062.095.429	7.658.430.103
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		504.548.102.879	505.928.828.454

Bình Định, ngày 25 tháng 01 năm 2018


Nguyễn Ngọc Minh
Kế toán tổng hợp

Thái Minh Trung
Kế toán trưởng


Đồng Thị Ánh
Tổng giám đốc

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu B 02 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01/01/2017 -> 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Từ 01/10/2017 -> 31/12/2017	Từ 01/10/2016 -> 31/12/2016	Từ 01/01/2017 -> 31/12/2017	Từ 01/01/2016 -> 31/12/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		80.634.152.521	82.743.681.084	427.185.947.311	418.934.699.949
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI. 1	80.634.152.521	82.743.681.084	427.185.947.311	418.934.699.949
4. Giá vốn hàng bán	11	VI. 2	60.435.342.902	64.645.733.189	356.895.418.137	354.410.403.234
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.198.809.619	18.097.947.895	70.290.529.174	64.524.296.715
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI. 3	494.806.295	2.023.538.475	2.807.679.246	5.364.912.774
7. Chi phí tài chính	22	VI. 4	1.668.089.021	1.306.340.566	3.859.396.873	3.493.865.012
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>677.599.840</i>	<i>470.069.827</i>	<i>2.234.556.704</i>	<i>1.923.623.792</i>
8. Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24	VI. 7	(166.736.010)	6.409.894.751	3.855.298.620	16.330.360.285
9. Chi phí bán hàng	25		4.656.682.564	4.581.576.216	17.599.917.356	14.366.653.338
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		7.807.612.361	6.781.409.966	27.485.050.491	24.711.176.054
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.394.495.958	13.862.054.373	28.009.142.320	43.647.875.370
12. Thu nhập khác	31	VI. 5	5.692.099.887	195.083.900	5.778.325.351	1.237.165.912
13. Chi phí khác	32	VI. 6	401.842.308	168.384.393	859.091.221	499.107.081
Lợi nhuận khác	40		5.290.257.579	26.699.507	4.919.234.130	738.058.831
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.684.753.537	13.888.753.880	32.928.376.450	44.385.934.201
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI. 8	2.684.665.054	1.659.435.751	6.252.156.960	5.693.314.810
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52				-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.000.088.483	12.229.318.129	26.676.219.490	38.692.619.391
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61	VI. 9	488.823.769	445.192.047	1.513.957.826	1.259.422.294
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông cty mẹ	62		8.511.264.714	11.784.126.082	25.162.261.664	37.433.197.097
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI. 10	301	236	906	1.169
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI. 10	301	236	906	1.169

Bình Định, ngày 25 tháng 01 năm 2018



Nguyễn Ngọc Minh
Kế toán tổng hợp



Thái Minh Trung
Kế toán trưởng



Đông Thị Ánh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Theo phương pháp gián tiếp

Từ ngày 01/01/2017 -> 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 -> 31/12/2017	Từ 01/01/2016 -> 31/12/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		32.928.376.450	44.385.934.201
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VII. 1	14.731.399.569	12.077.137.739
- Các khoản dự phòng	03		1.224.718.375	(268.160.745)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		47.472.696	581.983.779
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VII. 2	(11.560.565.569)	(21.572.820.352)
- Chi phí lãi vay	06		2.234.556.704	1.923.623.792
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		39.605.958.225	37.127.698.414
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(22.495.510.793)	(1.393.620.683)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(6.885.712.451)	10.071.410.133
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, Thuế TNDN phải nộp)	11		(1.265.987.443)	21.680.692.122
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(745.380.328)	(1.034.884.463)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.228.944.948)	(1.916.946.713)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.879.275.961)	(7.442.882.366)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		199.874.000	90.640.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(9.863.513.219)	(11.921.697.911)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(8.558.492.918)	45.260.408.533
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(10.871.362.412)	(30.141.162.303)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	13.381.044.594
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(27.000.000.000)	(28.250.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		38.950.000.000	10.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(15.000.000)	(4.946.954.546)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.934.119.966	20.149.995.652
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		8.997.757.554	(19.807.076.603)

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

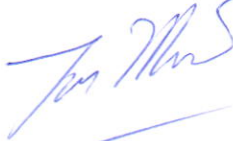
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 -> 31/12/2017	Từ 01/01/2016 -> 31/12/2016
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII. 3	269.089.982.072	236.322.182.415
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII. 4	(265.750.660.563)	(252.047.152.734)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu và CĐTS	36		(19.893.750.000)	(13.750.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16.554.428.491)	(29.474.970.319)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(16.115.163.855)	(4.021.638.389)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		19.875.119.663	23.896.263.052
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			(264.494)	495.000
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		3.759.691.314	19.875.119.663

Bình Định, ngày 25 tháng 01 năm 2018

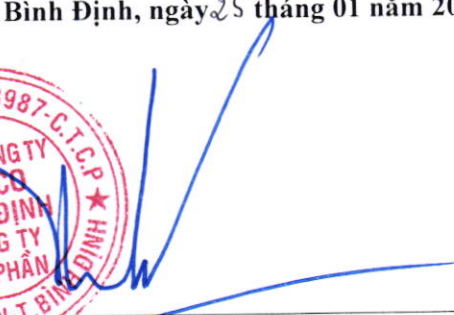


Nguyễn Ngọc Minh
Kế toán tổng hợp



Thái Minh Trung
Kế toán trưởng




Đồng Thị Ánh
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức vốn chủ sở hữu: Công ty cổ phần

Tổng công ty PISICO Bình Định - Công ty cổ phần (viết tắt là PISICO) tiền thân là Tổng công ty Sản Xuất Đầu Tư Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Bình Định là Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu được thành lập theo Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 23/6/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100258987 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Bình Định cấp lần đầu ngày 01/9/2010.

Ngày 17/10/2013, UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 3065/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa chuyên Tổng công ty Sản Xuất Đầu tư Dịch Vụ XNK Bình Định thành Tổng công ty PISICO Bình Định - Công ty cổ phần.

Tổng Công ty Pisico Bình Định - Công ty Cổ phần chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 27/01/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4100258987 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp đăng ký thay đổi lần thứ 3 vào ngày 27 tháng 01 năm 2014 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi sau đó.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty Pisico Bình Định - Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 3 đến lần đăng ký thay đổi lần thứ 6 là 275.000.000.000 đồng, được chia thành 27.500.000 cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng.

Trụ sở chính của PISICO đặt tại 99 Tây Sơn, thành phố Quy Nhơn, Bình Định

2. Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ; Chế biến lâm sản; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ và khai thác lâm sản khác; Tư vấn thiết kế công trình lâm sinh; Kinh doanh truyền hình cáp; Kinh doanh dịch vụ cảng biển, dịch vụ giao nhận hàng hóa; Dịch vụ cho thuê kho, bãi, bảo quản hàng hóa; Khách sạn; Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; Sản xuất các loại bao bì, sản phẩm tiêu dùng từ chất dẻo; Đầu tư hạ tầng; Kinh doanh bất động sản; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng; Kinh doanh nguyên liệu giấy; Khai thác, chế biến và mua bán hàng nông, lâm, thủy sản; Sản xuất và mua bán hàng công nghiệp thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, may mặc, giày da; Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên phụ liệu ngành nông, lâm, thủy sản và vật liệu xây dựng; Mua bán máy móc, phương tiện vận tải, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, xăng dầu; Kinh doanh truyền hình cáp và vật tư, thiết bị viễn thông; Thăm dò, khai thác, chế biến, mua bán tài nguyên khoáng sản các loại; Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Cấu trúc doanh nghiệp

	Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở	Cổ phiếu
a. Công ty con					
	Công ty CP DV PT Hạ tầng Cty TNHH MTV truyền hình Cấp Quy Nhơn	Phường Nhơn Bình, 198 Trần Hưng Đạo, Tp.Quy Nhơn	15.000.000.000 10.000.000.000	70,83% 100%	106.250
b. Công ty liên doanh, liên kết					
	Công ty CP Kinh doanh CNN Bình Định	99 Tây Sơn, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	180.000.000.000	50%	9.000.000
	Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	Đường số 10, KCN Phú Tài, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	9.500.000.000	45%	
	Công ty CP chế biến gỗ PISICO Đồng An	Lô C, KCN Đồng An, Huyện Thuận An, Bình Dương	17.600.000.000	31,28%	550.528
	Công ty CP chế biến gỗ Nội Thất PISICO	Lô C6-C7, KCN Phú Tài, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	15.000.000.000	40,01%	600.200
	Công ty CP PISICO Hà Thanh	Cụm Công nghiệp Canh Vinh, Vân Canh, Bình Định	16.500.000.000	36,36%	600.000
	Công ty TNHH Vật liệu XD PISICO	Thôn Quy hội, Xã Phước An, Huyện Tuy Phước, Bình Định	20.000.000.000	35,00%	
c. Các đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty:					
	▶ Xí nghiệp Chế biến Lâm sản Xuất khẩu Pisico - Chi nhánh Pisico Địa chỉ: Khu vực 7, Phường Nhơn Phú, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.				
	▶ Xí nghiệp Lâm nghiệp Pisico - Chi nhánh Pisico Địa chỉ: Khu vực 7, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.				
	▶ Xí nghiệp kinh doanh và Phát triển hạ tầng Pisico - Chi nhánh Pisico Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Phường Ghènh Ráng, Thành phố Qui Nhơn, tỉnh Bình Định				
	▶ Chi nhánh Tổng Công ty Pisico Bình Định - Công ty Cổ phần Địa chỉ: 104 Nguyễn Chí Thanh, Phường 3, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.				

6. Khả năng so sánh thông tin**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Năm tài chính**

Năm tài chính của PISICO bắt đầu từ ngày 01/01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ Kế toán và chuẩn mực kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Tổng Công ty được trình bày phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc ngày 31/12/2017.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi công ty mẹ và được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của Chủ sở hữu của công ty mẹ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam (Trường hợp đồng tiền ghi sổ kế toán khác với Đồng Việt Nam)
2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán
3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền.
4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

- Chứng khoán kinh doanh
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là ngắn hạn khi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo như tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, thương phiếu và các loại chứng khoán nợ khác; chỉ tiêu này không bao gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đã được trình bày trong chỉ tiêu "các khoản tương đương tiền", chỉ tiêu "phải thu về cho vay ngắn hạn"

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là dài hạn khi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo như tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, thương phiếu và các loại chứng khoán nợ khác; chỉ tiêu này không bao gồm các khoản cho vay được trình bày trong chỉ tiêu "phải thu về cho vay dài hạn"

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được phân loại là ngắn hạn khi có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo, như cho các khoản vay bằng kế ước, hợp đồng vay giữa 2 bên

Các khoản cho vay được phân loại là dài hạn khi có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng tại thời điểm báo cáo, như cho các khoản vay bằng kế ước, hợp đồng thỏa thuận vay giữa 2 bên

- Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu từ 20% trở lên quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian mười năm. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của quỹ dự trữ được ghi nhận vào quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với các Báo cáo tài chính của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

- Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác: là các khoản đầu tư vào vốn chủ sở hữu của đơn vị khác nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát, ảnh hưởng đáng kể; các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

- các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ bao gồm: các khoản phải thu từ khách hàng, các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc và các khoản phải thu khác.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn khi có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ kinh doanh thông thường.

Các khoản phải thu được phân loại là dài hạn khi có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh thông thường.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc

Giá gốc của hàng tồn kho là nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho là thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên liệu và chi phí sản xuất chung

Hàng tồn kho được đánh giá thực tế trên cơ sở kiểm kê số lượng, chất lượng thực tế, mặt bằng giá thị trường hiện thời và giá trị hình thành của tài sản.

Hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại thời điểm phát sinh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng

8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

- Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

- Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

- Khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Tài sản cố định thuê tài chính

- Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến BĐS đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

9. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

10. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nợ phải trả phản ánh các khoản nợ phát sinh trong quá trình hoạt động SXKD mà TCTy phải trả, phải thanh toán cho các chủ nợ, bao gồm các khoản phải trả cho người bán, cho Nhà nước, cho công nhân viên và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được phân loại là ngắn hạn khi TCTy có trách nhiệm trả trong vòng 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh bình thường

Nợ phải trả được phân loại là dài hạn khi TCTy xác định thời gian phải trả là trên 1 năm

Đối với các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ, cuối kỳ quyết toán TCTy đánh giá lại theo tỷ giá bán của Ngân hàng thương mại nơi TCTy mở tài khoản

13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại là dài hạn khi có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính thì được phân loại là ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay và nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay.. Được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản khác như khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay.....

18. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi

19. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của Chủ sở hữu.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.
- Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.
- Lợi nhuận sau thuế được phân phối và sử dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.
- Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.
- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ thì TCTy điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì TCTy ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì TCTy ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

22. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư...ngoài ra còn phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐSĐT....

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phân chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho TCTy loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

Khi bán sản phẩm, hàng hóa kèm theo thiết bị, phụ tùng thay thế thì giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho bị hao hụt, mất mát, TCTy tính vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường nếu có)

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, Tcty sẽ tính vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường nếu có) kể cả khi sản phẩm hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ

23. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính
- Chi phí cho vay và đi vay vốn
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính

24. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí bán hàng phản ánh thực tế phát sinh quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, quảng bá thương hiệu, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển

Chi phí quản lý bao gồm các khoản chi phí về tiền lương của Ban lãnh đạo, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của Cán bộ CNV TCTy, chi phí vật liệu văn phòng, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, thuế môn bài, các khoản lập dự phòng phải thu khó đòi

Đối với các khoản chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo chế độ kế toán thì TCTy không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

25. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành , chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày cuối kỳ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

26. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Tiền mặt tại quỹ	380.329.477	460.542.372
Tiền gửi ngân hàng	3.379.361.837	17.999.582.617
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tính đến ngày đáo hạn dưới 3 tháng)	-	1.414.994.674
Cộng	<u>3.759.691.314</u>	<u>19.875.119.663</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá gốc	GT ghi sổ	Giá gốc	GT ghi sổ
a1. Ngắn hạn	14.400.000.000	-	32.250.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	14.400.000.000	-	32.250.000.000	-
a2. Dài hạn		-	-	-
Cộng	14.400.000.000	-	32.250.000.000	-

b. Đầu tư tài chính dài hạn

b1. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

	Công ty CP chế biến gỗ Pisico Đông An	Cty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh	Công ty CP chế biến gỗ nội thất Pisico	Công ty CP Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định	Công ty TNHH Vật liệu XD PISICO	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2016	8.814.989.800	13.522.572.431	8.396.615.197	11.560.330.471	124.681.921.476	4.525.545.454	171.501.974.829
Phần lãi / lỗ trong công ty liên kết ứng với phần tỷ lệ sở hữu	2.688.878.722	4.061.643.658	6.568.820.325	3.011.017.580			16.330.360.285
Các khoản tăng / giảm vốn chủ sở hữu tại công ty liên kết	-72.110.296	-1.433.835.000	-1.752.727.273	-373.208.807			(3.631.881.376)
Cổ tức nhận trong kỳ	-1.926.848.000	-3.268.440.000	-6.071.557.742	-1.680.560.000			(12.947.405.742)
CLTG trên bảng CĐKT ứng với tỷ lệ sở hữu tại ngày 31/12/2016					-2.524.355.995		(2.524.355.995)
Góp vốn vào Cty LD&LK 2016					10.000.000.000	2.474.454.546	12.474.454.546
Tại ngày 31/12/2016	9.504.910.226	12.881.941.089	7.141.150.507	12.517.579.244	132.157.565.481	7.000.000.000	181.203.146.547
Tại ngày 01/01/2017	9.504.910.226	12.881.941.089	7.141.150.507	12.517.579.244	132.157.565.481	7.000.000.000	181.203.146.547
Phần lãi / lỗ trong công ty liên kết ứng với phần tỷ lệ sở hữu	2.478.534.082	3.972.105	-2.276.460.252	3.654.136.396		-4.883.711	3.855.298.620
Các khoản tăng / giảm vốn chủ sở hữu tại công ty liên kết	-31.280.000	-377.550.000	-93.946.496	-357.712.622			(860.489.118)
Cổ tức nhận trong kỳ	-1.651.584.000	-855.000.000	-900.000.000	-2.400.800.000			(5.807.384.000)
CLTG trên bảng CĐKT ứng với tỷ lệ sở hữu tại ngày 30/06/2017					-49.645.343		(49.645.343)
Góp vốn vào Cty LD&LK 2017					5.000.000.000		5.000.000.000
Tại ngày 31/12/2017	10.300.580.308	11.653.363.194	3.870.743.759	13.413.203.018	137.107.920.138	6.995.116.289	183.340.926.706

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Các giao dịch trọng yếu**

Bên liên quan/Nội dung giao dịch	Từ 01/01/2017 -> 31/12/2017	Từ 01/01/2016 -> 31/12/2016
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Công Nông nghiệp B.Định		
Góp vốn cổ phần bằng tiền và nợ phải thu	5.000.000.000	10.000.000.000
Phải thu tiền ứng vốn	2.450.000.000	1.550.000.000
- Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn		
Bán hàng	4.949.875.200	9.229.183.550
Phải thu	-	25.368.000
Mua hàng	24.629.513.140	30.816.485.967
Thu tiền cổ tức được chia	855.000.000	3.268.440.000
- Công ty Cổ phần Chế biến gỗ nội thất Pisico		
Thu tiền cổ tức được chia	2.400.800.000	2.880.960.000
- Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Pisico Đồng An		
Bán hàng	613.372.500	
Mua hàng	725.836.200	
Thu tiền cổ tức được chia	1.651.584.000	1.926.848.000
- Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh		
Bán hàng	6.624.956.900	31.373.052.750
Phải thu	3.927.925.098	922.004.800
Mua hàng	58.916.688.475	45.484.072.304
Phải trả	-	6.039.108.856
Thu tiền cổ tức được chia	900.000.000	6.071.557.742
Thu tiền thuê CSHT và dịch vụ đi kèm	778.558.405	763.346.178
- Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng PISICO		
Phải thu tiền ứng vốn	800.000.000	800.000.000

b2. Đầu tư vào đơn vị khác

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Số lượng cổ phần sở hữu	Giá trị	Số lượng cổ phần sở hữu	Giá trị
Góp vốn điều lệ thành lập Công ty Cổ phần Chế biến Lâm sản Pisico Quảng Nam	22.750	3.776.950.866	22.750	3.776.950.866
Góp vốn điều lệ thành lập Công ty Cổ phần Tinh bột sắn Bình Định	280.660	3.639.669.130	280.660	3.639.669.130
Mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam (Vicosimex)	3.500	35.000.000	2.000	20.000.000
Cộng		7.451.619.996		7.436.619.996

Thông tin về Công ty đầu tư dài hạn tại ngày 31/12/2017 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty CP Chế biến tinh bột sắn	Thôn Hữu Lộc, Mỹ Hiệp, Huyện Phù Mỹ, Bình Định	28.000.000.000	12,71%
Công ty CP CB LS PISICO Quảng Nam	Tam Nghĩa, Núi Thành, Quảng Nam	12.000.000.000	18,96%

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Phải thu của khách hàng**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
a. Tổng Công ty PISICO	54.732.755.430	37.787.270.189
Khách hàng HAGEBAU	1.358.289.878	-
Khách hàng DEHNER	3.930.367.115	2.067.349.600
Võ Thị Kim Nguyệt	11.863.491.696	
Công ty TNHH TM Ánh Việt	3.871.000	
Công ty TNHH TM Ánh Vy	3.871.000	-
Khách hàng A-MIR (Garden Team)	1.182.773.025	-
Công ty TNHH SX TM Tâm Phú	82.060.000	-
Hartman Outdoor Product (Anh)		521.876.115
Khách hàng COOP ITALIA	935.237.228	317.625.600
Công ty TNHH SX Furniture Sài Gòn	949.502.673	15.485.085
Công ty CP Cơ khí & ĐT Ngôi sao	11.223.960	-
Công ty TNHH SX TM Lê Dung		76.723.600
Cty TNHH Bình Phú		295.358.249
Khách hàng ASINDO	3.205.374.960	4.434.807.680
KH MGI POLSKA (ARENA BALAN)		591.003.318
KH Bricorama		455.649.600
Cty TNHH Nordic Country Home VN		303.235.879
Cty TNHH SX TM Thanh Hòa		145.142.910
Khách hàng HD FURNITURE GROUP		355.408.960
Khách hàng Globus (nordio)	1.364.999.625	1.326.677.600
Khách hàng Conforama	7.185.989.246	3.471.213.856
Khách hàng Hubo	574.077.252	-
Khách hàng Runsvan AB	307.355.532	-
Khách hàng ADEO	12.931.807.449	8.132.683.072
Công ty CP PISICO Hà Thanh	427.925.098	922.004.800
Công ty TNHH Hào Hưng		5.515.875.037
Công ty TNHH Trồng rừng Quy Nhơn	987.406.940	872.796.387
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy QN		25.368.000
Công ty TNHH SX dăm gỗ Bình Định	666.383.600	-
Công ty CP gỗ Đại Phúc	928.982.465	611.156.469
Công ty CP ĐT Quốc tế & XNK DHT	966.445.541	775.044.101
Công ty TNHH Vạn Đại	3.274.288.743	2.487.554.917
Công ty TNHH Thành Luân	242.277.469	152.225.756

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Công ty TNHH Hoàng Gia		217.091.063
Công ty TNHH Gia Hưng	122.900.323	122.900.323
Công ty bao bì Hòa Phát	739.686.330	
Công ty TNHH Tân Vĩnh Thái		3.088.844.930
Công ty TNHH TM DV Vân Nguyễn	486.167.282	486.167.282
b. Cty CP DV Phát triển Hạ tầng PBC	6.012.397.250	5.441.186.104
DNTN Phú Lợi	1.323.539.125	1.058.723.457
Cty TNHH TM Phú Mỹ	895.165.692	1.258.817.745
Cty CP DV Công nghiệp Hàng Hải	303.201.540	1.128.063.331
Cty TM Thăng Long TNHH	27.661.368	159.169.134
Khách hàng khác	3.462.829.525	1.836.412.437
c. Cty TNHH MTV Truyền Hình cáp QN	802.319.127	194.822.000
Công ty TNHH Truyền thông và QC Đất võ	-	20.000.000
Cty TNHH THC Saigontourist	570.342.726	
Khách hàng khác	231.976.401	174.822.000
Cộng	61.547.471.807	43.423.278.293
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
a. Tổng Công ty PISICO	19.005.638.060	719.688.934
Công ty CP PISICO Hà Thanh	3.500.000.000	
Công ty TNHH TM Ánh Việt	12.000.000.000	
Cty TNHH SX TM Lê Dung	251.421.146	
Cty TNHH LS Ngọc Hà	409.928.200	
Cty CP HD Furniture Group	1.643.852.554	
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy QN		2.673.000
Cty TNHH SX TM Và DV Đại Dương Kính		10.000.000
DNTN Quyên Thắng	139.006.700	
DNTN Cảnh toàn	80.000.000	399.637.350
Cty TNHH MTV Hậu Minh	380.000.000	
Công ty TNHH Hoàng Khôi	601.429.460	56.821.600
Ngô Thanh Phước		20.306.000
Công ty TNHH SX Và TM Sao Vàng		195.505.350
Công ty CP Giao nhận toàn cầu DHL		34.745.634
b. Cty CP DV Phát triển Hạ tầng PBC	54.537.000	11.400.000
Công ty TNHH Kiểm toán FAC-CN Nha Trang	12.000.000	11.400.000
Công ty TNHH Khoa học kỹ thuật & MT Trung việt	42.537.000	
c. Cty TNHH MTV Truyền Hình cáp QN	-	434.993.869
Cty CP CN Viễn Đông CORD		10.980.860
Cty TNHH DV Huỳnh Khải Minh	-	76.020.945
Cty TNHH TM DV ĐT Hưng Thông		47.753.064
Cty TNHH TV TK XD Huy Hoàng		107.739.000
Cty CP NetNam		192.500.000
Cộng	19.060.175.060	1.166.082.803

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
5. Phải thu khác		
- Ngắn hạn	1.194.780.681	1.480.398.482
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp của các đơn vị thuê đất	19.071.666	3.904.056
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	91.469.631	114.386.405
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng + Lãi ứng vốn	253.288.255	357.298.794
Công ty CP Tinh bột sắn XK Bình Định	448.270.000	448.270.000
Tạm ứng CBCNV	24.787.000	56.037.000
Tiền thuê đất thô phải thu của các DN	130.518.305	83.439.770
Phải thu về thoái vốn Nhà nước	-	41.790.000
Ký quỹ mở L/C	-	162.948.060
Các khoản khác	227.375.824	212.324.397
- Dài hạn	3.927.080.660	3.924.080.660
Tiền đặt cọc thuê Văn phòng Truyền hình cáp	4.800.000	1.800.000
Phải thu lại của NN tiền hỗ trợ bồi thường về đất CCN Cát Nhơn	3.879.460.660	3.879.460.660
Phải thu lại của nhà nước tiền tạm ứng bồi thường thu hồi đất khu cải táng Cụm công nghiệp Cát Nhơn	42.820.000	42.820.000
Cộng	5.121.861.341	5.404.479.142
6. Hàng tồn kho		
	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	24.068.260.045	18.077.145.741
Công cụ, dụng cụ trong kho	1.850.864.978	6.211.415.724
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	40.605.383.607	32.812.506.320
Thành phẩm tồn kho	2.943.863.075	4.094.824.804
Hàng hóa tồn kho	-	1.386.766.665
Hàng hóa bất động sản	645.609.522	645.609.522
Cộng	70.113.981.227	63.228.268.776
7. Dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn		
	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
a. Tổng Công ty PISICO	2.494.738.253	1.608.901.978
Công ty TNHH TM DV Vân Nguyễn	486.167.282	486.167.282
Công ty TNHH Vạn Đại	1.339.691.212	805.666.796
Công ty DHT	255.296.620	163.964.795
Công ty Đại Phúc	246.385.281	91.652.943
Công ty Gia Hưng	86.030.227	61.450.162
Công ty Bao bì Hòa Phát	81.167.631	-
b. Cty CP DV Phát triển Hạ tầng PBC	1.407.539.836	1.986.818.209
Cty TNHH TM Phú Mỹ	562.172.081	831.724.777
DNTN Phú lợi	817.706.387	583.593.380
Cty TM Thăng long TNHH	27.661.368	159.169.134
Cty CP DV Công nghiệp Hàng Hải	-	412.330.918
c. Cty TNHH MTV Truyền Hình cáp QN	-	20.000.000
Cty TNHH TT và Quảng cáo Đất võ	-	20.000.000
Cộng	3.902.278.089	3.615.720.187

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

* Chi tiết:

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH TM DV Vân Nguyễn	486.167.282	-	486.167.282	-
Công ty TNHH Vạn Đại	2.636.425.404	1.296.734.192	1.861.602.470	1.055.935.674
Công ty DHT	640.959.333	385.662.713	455.635.733	291.670.938
Công ty Đại Phúc	617.519.831	371.134.550	305.509.811	213.856.868
Công ty Gia Hưng	122.900.323	36.870.096	122.900.323	61.450.161
Công ty Bao bì Hòa Phát	270.558.770	189.391.139	-	-
Cty TNHH TM Phú Mỹ	773.317.315	211.145.234	1.136.889.011	305.164.234
DNTN Phú lợi	1.203.749.626	386.043.239	938.854.958	355.261.578
Cty TM Thăng long TNHH	27.661.368	-	159.169.134	-
Cty CP DV Công nghiệp Hàng hải	-	-	824.661.834	412.330.916
Cty TNHH TT và Quảng cáo Đất võ	-	-	20.000.000	-
Cộng	6.779.259.252	2.876.981.163	6.311.390.556	2.695.670.369

8. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-
b. Xây dựng cơ bản dở dang	881.127.009	14.152.248.981
- Các hạng mục tại Cụm công nghiệp Canh Vinh	631.127.009	631.127.009
- Các hạng mục tại Cty Truyền Hình Cấp	250.000.000	13.521.121.972
Cộng	881.127.009	14.152.248.981

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, đồ dùng quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Tại 01/01/2017	66.099.242.400	41.374.259.610	15.155.525.876	1.330.678.251	1.055.483.682	125.015.189.819
Đầu tư mới	211.859.091	23.218.828.881	-	127.000.000	-	23.557.687.972
Thanh lý, nhượng bán	677.795.455	2.847.422.691	-	-	-	3.525.218.146
Tại 31/12/2017	65.633.306.036	61.745.665.800	15.155.525.876	1.457.678.251	1.055.483.682	145.047.659.645
Hao mòn lũy kế						
Tại 01/01/2017	19.058.983.104	27.176.583.968	8.857.299.431	572.242.078	730.388.060	56.395.496.641
Trích khấu hao	2.961.688.509	4.564.323.245	1.095.127.252	197.685.333	102.011.324	8.920.835.663
Thanh lý	558.355.595	2.847.422.691	-	-	-	3.405.778.286
Tại 31/12/2017	21.462.316.018	28.893.484.522	9.952.426.683	769.927.411	832.399.384	61.910.554.018
Giá trị còn lại						
Tại 01/01/2017	47.040.259.296	14.197.675.642	6.298.226.445	758.436.173	325.095.622	68.619.693.178
Tại 31/12/2017	44.170.990.018	32.852.181.278	5.203.099.193	687.750.840	223.084.298	83.137.105.627

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất lâu dài</u>	<u>Quyền sử dụng đất có thời hạn</u>	<u>Phần mềm kế toán</u>	<u>Tổng cộng</u>
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2017	6.617.820.480	13.607.264.000	54.000.000	20.279.084.480
Đầu tư mới	-	-	-	-
Thanh lý TSCĐ	6.617.820.480	-	-	6.617.820.480
Tại ngày 31/12/2017	-	13.607.264.000	54.000.000	13.661.264.000
Hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2017	-	1.162.201.776	-	1.162.201.776
Trích khấu hao	-	308.640.288	13.500.000	322.140.288
Tại ngày 31/12/2017	-	1.470.842.064	13.500.000	1.484.342.064
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2017	6.617.820.480	12.445.062.224	54.000.000	19.116.882.704
Tại ngày 31/12/2017	-	12.136.421.936	40.500.000	12.176.921.936

11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	<u>Công trình hạ tầng Cụm công nghiệp Nhơn Bình</u>	<u>Công trình hạ tầng Cụm công nghiệp Cát Nhơn</u>	<u>Công trình hạ tầng Cụm công nghiệp Canh Vinh</u>	<u>Tổng cộng</u>
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2017	38.635.719.983	29.192.741.975	16.311.419.215	84.139.881.173
Đầu tư mới	-	492.248.182	-	492.248.182
Tại ngày 31/12/2017	38.635.719.983	29.684.990.157	16.311.419.215	84.632.129.355
Hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2017	26.755.265.619	13.520.520.340	4.584.285.350	44.860.071.309
Trích khấu hao	2.610.887.656	1.976.660.852	900.875.110	5.488.423.618
Tại ngày 31/12/2017	29.366.153.275	15.497.181.192	5.485.160.460	50.348.494.927
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2017	11.880.454.364	15.672.221.635	11.727.133.865	39.279.809.864
Tại ngày 31/12/2017	9.269.566.708	14.187.808.965	10.826.258.755	34.283.634.428

Bất động sản đầu tư bao gồm các công trình hạ tầng kỹ thuật tại Cụm công nghiệp Nhơn Bình (thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định), Cụm công nghiệp Cát Nhơn (xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định) và Cụm công nghiệp Canh Vinh (xã Canh Vinh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định) đang cho bên thứ 3 thuê.

12. Chi phí trả trước

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	160.938.010	189.202.314
Chi phí trả trước dài hạn	6.636.886.739	5.863.242.107
Cộng	6.797.824.749	6.052.444.421

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**13. Vay và nợ thuê tài chính**

- Chi tiết phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Tại ngày 01/01/2017	Số tiền vay trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	CLTG cuối kỳ	Tại ngày 30/09/2017
VCB Quy Nhơn (a)	43.114.142.276	269.059.194.392	259.626.542.016	27.367.233	52.574.161.885
Vay Việt Nam Đồng	5.233.374.806	145.159.849.941	147.982.496.951		2.410.727.796
Vay Đô - la Mỹ	37.880.767.470	123.899.344.451	111.644.045.065	27.367.233	50.163.434.089
Cộng	43.114.142.276	269.059.194.392	259.626.542.016	27.367.233	52.574.161.885

- Chi tiết phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn như sau:

	Tại ngày 01/01/2017	Số tiền vay trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Điều chỉnh trong kỳ	Tại ngày 31/12/2017
A. Vay dài hạn	15.468.330.867	30.787.680	4.874.118.547	(3.750.000.000)	6.875.000.000
VCB Quy Nhơn (a)	15.468.330.867	30.787.680	4.874.118.547	(3.750.000.000)	6.875.000.000
Vay Việt Nam Đồng	15.468.330.867	30.787.680	4.874.118.547	(3.750.000.000)	6.875.000.000
B. Vay dài hạn đến hạn trả	0	0	1.250.000.000	3.750.000.000	2.500.000.000
VCB Quy Nhơn			1.250.000.000	3.750.000.000	2.500.000.000
Vay Việt Nam Đồng	-		1.250.000.000	3.750.000.000	2.500.000.000
Cộng	15.468.330.867	30.787.680	6.124.118.547	-	9.375.000.000

14. Phải trả cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
a. Tổng Công ty PISICO	17.110.507.285	23.043.504.460
Công ty TNHH SX TM Hóa keo Bình Thạnh	825.810.150	616.556.820
Công ty TNHH Hiệp Phát	7.646.650	1.074.742.198
Khách hàng Nguyễn Hạnh Cúc (K6)	204.893.500	383.334.000
DNTN Quang Huy	98.241.000	98.818.285
Khách hàng Kim Tuyền	73.795.100	146.211.600
Công ty TNHH TM DV Hoàng Trang	1.939.093.851	1.843.528.128
Khách hàng Lê Hữu Tài	31.454.797	55.768.458
Cửa hàng TCT	147.016.840	343.980.620
Công ty TNHH May Trường Thịnh	220.774.400	307.433.280
Công ty TNHH SX TM Bảo Bảo	165.063.140	57.987.600
Cửa hàng Hoàng Yến	147.426.000	155.693.000
Khách hàng Nguyễn Viết Hưng	42.471.000	53.108.000
Công ty TNHH Xuân Huy Phát	424.325.550	211.257.530
Công ty TNHH Đức Thành	965.743.839	753.789.857
Công ty TNHH Phú Gia Lâm	471.923.155	545.883.800
Công ty TNHH Bích Việt		379.894.900
Công ty TNHH Lê Gia	641.275.657	745.578.239
Công ty TNHH POLY-POXY COATINGS VN		103.268.000
Công ty TNHH SX TM DV Xuyên Việt	235.831.200	117.172.000

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
DNTN Sao Việt		34.692.900
Công ty TNHH DV TM Tân Phát	215.413.000	282.297.400
Cty TNHH TM DV M&H	5.016.000	
Công ty TNHH Tân Đại Phú	4.070.000	
Công ty CP SX TM Vĩnh Phúc	602.448.000	78.441.000
DNTN Q&B		10.487.400
Công ty TNHH Hoàng Tâm	810.868.125	360.893.935
HTX Vận tải cơ giới 1/4 Q.Nhơn	8.850.000	
Cty TNHH SX TM Sao Vàng	84.362.850	
Công ty TNHH SX TM Tân Anh Thê	45.922.635	34.906.228
Công ty cổ phần Hoàng Hà		200.896.910
Công ty TNHH kỹ nghệ Eco	76.229.340	78.980.000
Công ty TNHH LS Ngọc Hà		237.876.320
Công ty CP Tân Tiến	305.258.278	43.615.000
XN Lắp máy và XD Quang Trung		96.880.000
Công ty CP Kỹ nghệ gỗ Tiến Đạt		31.215.483
Cửa hàng dầu nhớt Thanh Điềm		6.000.000
Công ty TNHH MTV CK Thê Bằng	1.903.703.400	521.582.209
Khách hàng Phúc Thành	8.640.000	6.480.000
Khách hàng Trần Khang		47.291.420
Công ty TNHH MTV Anh Minh	38.849.406	185.939.378
DNTN Cơ khí Lam sơn		33.000.000
Công ty TNHH Thành phát VINA	14.857.700	17.335.780
Công ty TNHH SX TM DV Tân Thành Long	8.932.000	6.736.400
Công ty TNHH Đồng Tiến	1.201.185.150	836.746.735
DNTN Hữu Phùng		10.050.000
Công ty TNHH TM DV Vận tải Khoa Thanh		11.750.000
Công ty CP Cảng Quy Nhơn		30.166.110
Công ty CPTM Chuyển phát nhanh EPS		11.930.000
Công ty TNHH Sơn Tín Phát	37.884.000	68.090.000
CTy TNHH Toàn Gia Đạt	623.939.026	
Cty TNHH Gỗ Thành Phúc	1.491.432.250	
Cty TNHH TM DV T.U.T	24.618.000	
Cty TNHH Ánh Dương	173.758.000	
Vinatrans Quy Nhơn	16.736.500	
Ngô Thị hồng Phương	51.047.400	
CTy TNHH Cơ Hội Mới	16.578.287	
DNTN Thành Xuân	10.450.000	
Cty TNHH Nguyễn Phương Quân	10.805.300	
Cty TNHH TM XNK Chấn Thành	67.778.700	
Cty TNHH MTV Tân Anh Tuấn	42.024.180	
Cty CP Công nghệ gỗ Trường Thành	26.484.461	
Cty TNHH Tân Bình	254.274.548	
Cty TNHH Taxi Trang Hiệp Thành	14.465.000	

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	31/12/2017	01/01/2017
Cty TNHH MTV vận tải & TM Toàn Tâm	31.251.970	
Nhà sách Đông Phương	141.871.000	
DNTN Dệt May TM Vạn Phát	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty TNHH MTV Hậu Minh	56.830.510	
Công ty cổ phần phần mềm thông tin kinh doanh	9.000.000	27.000.000
JAF GLOBAL GMBH, AUSTRIA		2.713.427.766
Công ty TNHH Thảo Truyền	151.900.000	151.900.000
Công ty cổ phần PISICO Hà Thanh		6.039.108.856
Công ty TNHH Thanh Phước	9.108.000	20.306.000
Cty CP Trường Hải	870.878.440	909.901.420
CTy TNHH TM Hậu Nhân		155.464.320
DNTN Quyên Thắng		421.130.985
DNTN Trọng Thủy		179.263.920
DNTN Thiện Phú		57.083.070
Cty TNHH DV Danh Thắng		90.631.200
b. Công ty CP PT Hạ tầng PBC	62.605.564	23.278.564
Công ty TNHH Xây dựng Bảo Long	2.539.564	2.539.564
Cty TNHH TM & XD Lê Mạnh	20.739.000	20.739.000
Cty TNHH XD TH Hà Thanh	39.327.000	
c. Công ty TNHH MTV Truyền Hình Cấp QN	-	62.738.584
Công ty TNHH Quốc tế Hoàng long	-	62.738.584
Cộng	17.173.112.849	23.129.521.608
15. Người mua trả tiền trước		
	31/12/2017	01/01/2017
a. Tổng Công ty PISICO	3.348.026.482	7.373.217.255
Khách hàng HARTMAN	1.247.906.094	-
Khách hàng SMT J/S	6.868.170	6.868.170
Khách hàng GARDEN TEAM (AMIR)		573.799.464
Khách hàng CCST LTD	305.474.440	96.581.987
Khách hàng An seng Enterprises LTD		184.557.726
Công ty TNHH Thuận Hòa		10.000.000
Công ty TNHH Trồng Rừng QN	1.744.586.356	6.307.644.082
Khách hàng FREE STYLE	10.765.826	10.765.826
Khách hàng Triwin Resources	32.425.596	
Công ty Kim Thành		183.000.000
Cộng	3.348.026.482	7.373.217.255
16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
	31/12/2017	01/01/2017
Thuế giá trị gia tăng	897.859.106	199.975.568
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.548.156.750	1.109.552.960
Thuế thu nhập cá nhân	132.140.354	61.917.936
Các loại thuế khác	301.880.223	-
Cộng	2.880.036.433	1.371.446.464

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Chi tiết như sau:**

	Tại ngày 01/01/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Tại ngày 31/12/2017
Thuế GTGT bán hàng nội địa	199.975.568	2.302.933.356	1.605.049.818	897.859.106
Thuế GTGT hàng NK	-	1.296.678.903	1.296.678.903	-
Thuế xuất, nhập khẩu		1.904.384.387	1.904.384.387	
Thuế thu nhập DN	175.275.751	6.252.156.960	4.879.275.961	1.548.156.750
- TCTy PISICO	(934.277.209)	3.108.572.299	1.434.446.078	739.849.012
- Cty TNHH Truyền Hình Cáp	714.951.710	1.757.652.675	2.097.555.897	375.048.488
- Cty CP PT Hạ Tầng PBC	394.601.250	1.385.931.986	1.347.273.986	433.259.250
Thuế môn bài	(1.000.000)	14.000.000	13.000.000	-
Thuế nhà đất, thuê đất	-	922.900.846	922.900.846	-
Thuế thu nhập cá nhân	61.917.936	791.013.868	721.820.955	131.110.849
- TCTy PISICO	49.050.427	644.653.662	568.328.735	125.375.354
- Cty TNHH Truyền Hình Cáp	5.680.000	74.578.231	73.493.231	6.765.000
- Cty CP PT Hạ Tầng PBC	7.187.509	71.781.975	79.998.989	(1.029.505)
Thuế khác	-	308.084.416	6.204.193	301.880.223
Cộng	436.169.255	13.792.152.736	11.349.315.063	2.879.006.928

17. Chi phí phải trả

	31/12/2017	01/01/2017
Chi phí thuê bản quyền truyền hình	799.168.061	405.193.294
Lãi vay phải trả	42.041.570	36.429.814
Tiền lương, phép và tiền ăn ca của cán bộ công nhân viên	189.269.250	195.855.691
Các khoản chi phí khác	503.675.916	1.100.021.596
Tiền nước sản xuất (Cty PBC)	31.346.784	-
Phí kiểm toán BCTC	171.590.908	160.681.819
Cộng	1.737.092.489	1.898.182.214

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2017	01/01/2017
Tiền bảo hành các hạng mục XD CB	10.000.000	84.548.230
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	318.563.340	113.645.025
Cty TNHH THC Saigontourist (LN phải trả)	-	2.000.000.000
Kinh phí công đoàn	522.603.869	438.602.184
Cty Nhuận bang (LN Phải trả)	58.634.180	58.634.180
Công ty Cổ phần thực phẩm XK Bình Định	712.971.000	720.310.500
Công ty CP TM ĐT&PT Miền Núi	113.784.055	113.784.055
Phải trả Công Đoàn TCTy	181.737.491	917.533.956
Tiền ốm đau, thai sản (có 1388)	11.099.400	121.307.900
Tiền thuê đất thô phải thu các DN	53.533.338	
Các khoản khác	35.801.169	88.859.452
Cộng	2.018.727.842	4.657.225.482

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Tại ngày 01/01/2017	566.848.180
Trích từ lợi nhuận sau thuế	5.278.570.000
Thu khác	1.820.000
Chi khen thưởng, phúc lợi	5.157.249.219
Số dư tại 31/12/2017	689.988.961

20. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
a. Ngắn hạn	6.672.121.412	6.338.563.368
Doanh thu nhận trước cho thuê cơ sở hạ tầng CCN Nhơn	2.186.321.532	2.133.608.377
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Canh Vinh và Cát Nhơn chưa thực hiện.	4.170.336.984	4.069.953.647
Doanh thu nhận trước tiền thuê bao Truyền hình cáp	315.462.896	135.001.344
b. Dài hạn	37.106.949.769	23.514.379.415
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Canh Vinh và Cát Nhơn chưa thực hiện.	30.504.861.156	14.936.979.536
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Nhơn Bình chưa thực hiện.	6.602.088.613	8.577.399.879
Cộng	43.779.071.181	29.852.942.783

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2016	275.000.000.000	522.569.600	29.220.288.321	5.335.610.923	38.698.544.409	348.777.013.253
Lợi nhuận năm 2016					37.433.197.097	37.433.197.097
Trích Quỹ ĐTP				3.673.616.617	(3.673.616.617)	-
Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi					(5.307.012.810)	(5.307.012.810)
Chia cổ tức					(13.750.000.000)	(13.750.000.000)
Chia lợi nhuận cho đối tác hợp tác kinh doanh (TH Cấp)					(7.038.243.435)	(7.038.243.435)
Các khoản tăng/giảm vốn CSH tại Cty liên kết					(3.631.881.376)	(3.631.881.376)
CL tỷ giá năm 2016			(2.524.355.995)			(2.524.355.995)
Tại ngày 31/12/2016	275.000.000.000	522.569.600	26.695.932.326	9.009.227.540	42.730.987.268	353.958.716.734
Tại ngày 01/01/2017	275.000.000.000	522.569.600	26.695.932.326	9.009.227.540	42.730.987.268	353.958.716.734
Lợi nhuận năm 2017					25.162.261.664	25.162.261.664
Trích Quỹ ĐTP				3.694.108.000	(3.694.108.000)	-
Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi					(5.026.610.833)	(5.026.610.833)
Chia cổ tức					(17.050.000.000)	(17.050.000.000)
Các khoản tăng/giảm vốn CSH tại Cty liên kết					(860.489.118)	(860.489.118)
CL tỷ giá năm 2017			(49.645.343)			(49.645.343)
Chia lợi nhuận cho đối tác hợp tác kinh doanh (TH Cấp)					(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Chi khác					(35.416.667)	(35.416.667)
Tại ngày 31/12/2017	275.000.000.000	522.569.600	26.646.286.983	12.703.335.540	38.726.624.314	353.598.816.437

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị
Quỹ Đầu tư Phát triển BĐ	-	-	86,83	238.770.000.000
Công ty TNHH TM Ánh Vy	96,83	266.270.000.000	10,00	27.500.000.000
Các cổ đông khác	3,17	8.730.000.000	3,17	8.730.000.000
Cộng		275.000.000.000		275.000.000.000

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.500.000	27.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.500.000	27.500.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.500.000	27.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

22. Lợi ích của cổ đông thiểu số

	Công ty Cổ phần Dịch vụ và Phát triển hạ tầng P.B.C	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2016	6.512.981.424	6.512.981.424
LN của cổ đông thiểu số 2016	1.259.422.294	1.259.422.294
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận của CĐTS	(113.973.615)	(113.973.615)
Tại ngày 31/12/2016	7.658.430.103	7.658.430.103
Tại ngày 01/01/2017	7.658.430.103	7.658.430.103
LN của cổ đông thiểu số 2017	1.513.957.826	1.513.957.826
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận của CĐTS	(251.959.167)	(251.959.167)
Chia cổ tức cho CĐTS	(2.843.750.000)	(2.843.750.000)
Chi khác	(14.583.333)	(14.583.333)
Tại ngày 31/12/2017	6.062.095.429	6.062.095.429

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán:

	31/12/2017	01/01/2017
a. Tài sản thuê ngoài	-	-
b. Tài sản nhận giữ hộ	-	-
c. Ngoại tệ các loại		
Dollar Mỹ (USD)	49.175,44	157.230,38
EURO	420,59	489,15
d. Nợ khó đòi đã xử lý	5.623.669.639	5.623.669.639

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2017 -> 31/12/2017	Từ 01/01/2016 -> 31/12/2016
Tổng doanh thu	427.185.947.311	418.934.699.949
Các khoản giảm trừ		-
Doanh thu thuần	427.185.947.311	418.934.699.949
Trong đó:		
Doanh thu sản phẩm Lâm sản và DV Lâm nghiệp	375.453.543.730	368.254.277.336
Doanh thu cho thuê và DV hạ tầng Khu công nghiệp	17.993.402.672	16.131.168.697
Doanh thu DV Truyền Hình Cáp	33.739.000.909	34.549.253.916
Cộng	427.185.947.311	418.934.699.949

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2017 -> 31/12/2017	Từ 01/01/2016 -> 31/12/2016
Giá vốn sản phẩm Lâm sản và DV Lâm nghiệp	333.234.604.573	333.150.267.982
Giá vốn cho thuê và DV hạ tầng Khu công nghiệp	8.866.002.100	8.798.640.909
Giá vốn DV Truyền Hình Cáp	14.794.811.464	12.461.494.343
Cộng	356.895.418.137	354.410.403.234

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2017 -> 31/12/2017	Từ 01/01/2016 -> 31/12/2016
Cổ tức và lợi nhuận được chia	239.500.000	1.831.000.000
Lãi tiền gửi, cho vay	1.783.225.427	2.264.121.204
Lãi chênh lệch tỷ giá	784.953.819	1.269.791.570
Cộng	2.807.679.246	5.364.912.774

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2017 -> 31/12/2017	Từ 01/01/2016 -> 31/12/2016
Chi phí lãi vay	2.234.556.704	1.923.623.792
Lỗ chênh lệch tỷ giá	639.207.000	988.257.441
Lỗ CLTG chưa thực hiện	47.472.696	581.983.779
Dự phòng đầu tư ngoài DN	938.160.473	
Cộng	3.859.396.873	3.493.865.012

5. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2017 -> 31/12/2017	Từ 01/01/2016 -> 31/12/2016
Lãi thanh lý tài sản cố định	5.682.541.522	1.147.338.863
Xử lý nợ, Thu hồi nợ	13.925.415	10.085.228
Thu nhập khác	81.858.414	79.741.821
Cộng	5.778.325.351	1.237.165.912

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Chi phí khác**

	Từ 01/01/2017 -> 31/12/2017	Từ 01/01/2016 -> 31/12/2016
Xử lý nợ	244.602.264	225.057.651
Chi thù lao HĐQT tại Cty PBC	79.500.000	84.000.000
Các khoản chi phí khác	534.988.957	190.049.430
Cộng	859.091.221	499.107.081

7. Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh

	Từ 01/01/2017 -> 31/12/2017	Từ 01/01/2016 -> 31/12/2016
Phần lãi / (lỗ) trong lợi nhuận sau thuế tính theo tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết:		
- Công ty Cổ phần chế biến gỗ nội thất Pisico	3.654.136.396	3.011.017.580
- Cty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	3.972.105	4.061.643.658
- Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Pisico Đồng An	2.478.534.082	2.688.878.722
- Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh	(2.276.460.252)	6.568.820.325
- Công ty TNHH Vật liệu XD PISICO	(4.883.711)	-
Cộng	3.855.298.620	16.330.360.285

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2017 -> 31/12/2017	Từ 01/01/2016 -> 31/12/2016
Lợi nhuận trước thuế	32.928.376.450	44.385.934.201
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		
Các khoản điều chỉnh tăng	1.560.711.913	920.214.062
Các khoản chi phí không được trừ	1.560.711.913	920.214.062
Các khoản điều chỉnh giảm	7.979.039.522	16.700.964.611
Cổ tức và phần lãi từ công ty liên kết	3.156.638.147	16.646.360.285
Lãi C/Lệch đánh giá lại tỷ giá cuối năm	-	54.604.326
Các khoản khác	4.822.401.375	
Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	26.510.048.841	28.605.183.652
<u>Trong đó:</u>		
Tổng thu nhập chịu thuế suất 20%	26.510.048.841	28.605.183.652
Thuế TNDN tính theo thuế suất	5.302.009.768	5.721.036.732
Thuế TNDN được miễn giảm	(38.011.647)	(27.721.922)
Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu theo QĐ của Cục thuế tỉnh Bình Định	988.158.838	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.252.156.960	5.693.314.810

9. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số

	Từ 01/01/2017 -> 31/12/2017	Từ 01/01/2016 -> 31/12/2016
Lợi nhuận sau thuế tính cho cổ đông thiểu số tại các Cty con:		
- Công ty Cổ phần Dịch vụ phát triển hạ tầng P.B.C	1.513.957.826	1.259.422.294
Cộng	1.513.957.826	1.259.422.294

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Lãi cơ bản, Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	25.162.261.664	37.433.197.097
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	25.162.261.664	37.433.197.097
Trích Quỹ khen thưởng, Phúc lợi	244.870.833	5.281.740.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	27.500.000	27.500.000
Cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	906	1.169
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	906	1.169

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2017 -> 31/12/2017	Từ 01/01/2016 -> 31/12/2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	91.248.402.559	64.350.440.597
Chi phí nhân công	51.223.096.537	49.127.801.703
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.731.399.569	12.077.137.739
Chi phí dịch vụ mua ngoài	77.079.393.048	68.131.372.427
Chi phí khác bằng tiền	28.657.323.275	32.092.446.593
Cộng	262.939.614.988	225.779.199.059

VII THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Khấu hao tài sản cố định**

	Từ 01/01/2017 -> 31/12/2017	Từ 01/01/2016 -> 31/12/2016
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	8.920.835.663	6.329.945.790
Khấu hao tài sản cố định vô hình	322.140.288	308.640.288
Khấu hao bất động sản	5.488.423.618	5.438.551.661
Cộng	14.731.399.569	12.077.137.739

2. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư

	Từ 01/01/2017 -> 31/12/2017	Từ 01/01/2016 -> 31/12/2016
Lãi tiền gửi, cho vay	1.783.225.427	2.264.121.204
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	5.682.541.522	1.147.338.863
Cổ tức và lợi nhuận được chia	239.500.000	1.831.000.000
Lãi/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	3.855.298.620	16.330.360.285
Cộng	11.560.565.569	21.572.820.352

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Tiền thu từ đi vay

	Từ 01/01/2017 -> 31/12/2017	Từ 01/01/2016 -> 31/12/2016
Tiền vay ngân hàng	269.089.982.072	236.322.182.415
Cộng	269.089.982.072	236.322.182.415

4. Tiền chi trả nợ gốc vay

	Từ 01/01/2017 -> 31/12/2017	Từ 01/01/2016 -> 31/12/2016
Tiền vay ngân hàng	265.750.660.563	252.047.152.734
Cộng	265.750.660.563	252.047.152.734

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Tập đoàn có các bộ phận kinh doanh chính phân chia theo các lĩnh vực chính dưới sự quản lý của Tập đoàn, cụ thể như sau:

- Kinh doanh các sản phẩm lâm sản và dịch vụ lâm nghiệp: bao gồm sản xuất chế biến, mua bán lâm sản, trồng rừng, các sản phẩm và sản phẩm dịch vụ liên quan đến rừng trồng;
- Kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp và các dịch vụ đi kèm;
- Dịch vụ truyền hình cáp và các dịch vụ đi kèm;
- Đầu tư tài chính: Đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết và các doanh nghiệp khác có hoạt động kinh doanh phù hợp với hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

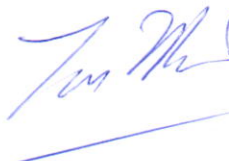
	Sản phẩm lâm sản và dịch vụ lâm nghiệp	Hạ tầng Cụm Công nghiệp	Truyền hình cáp	Đầu tư tài chính	Phần theo dõi và quản lý chung	Cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	375.453.543.730	17.993.402.672	33.739.000.909			427.185.947.311
Doanh thu hoạt động tài chính và lợi nhuận từ công ty liên kết	784.953.819	1.001.194.261	16.969.104	4.094.798.620	765.062.062	6.662.977.866
Thu nhập khác	5.709.993.804	0	68.331.547			5.778.325.351
Tổng doanh thu và thu nhập khác	381.948.491.353	18.994.596.933	33.824.301.560	4.094.798.620	765.062.062	439.627.250.528
Giá vốn hàng bán	333.234.604.573	8.866.002.100	14.794.811.464			356.895.418.137
Chi phí bán hàng	15.731.647.897		1.868.269.459			17.599.917.356
Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.956.874.719	2.838.026.088	7.690.149.684	0		27.485.050.491
Chi phí tài chính	686.679.696	58.923.288	672.582.856	938.160.473	1.503.050.560	3.859.396.873
Chi phí khác	327.043.972	275.526.649	256.520.600			859.091.221
Chi phí phân bổ trực tiếp của bộ phận	366.936.850.857	12.038.478.125	25.282.334.063	938.160.473		405.195.823.518
Chi phí được theo dõi chung của các bộ phận					1.503.050.560	1.503.050.560
Tổng chi phí	366.936.850.857	12.038.478.125	25.282.334.063	938.160.473	1.503.050.560	406.698.874.078
Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	15.011.640.496	6.956.118.808	8.541.967.497	3.156.638.147	-737.988.498	32.928.376.450
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư	5.631.972.673	5.653.904.601	3.445.522.295			14.731.399.569
Tổng chi phí phát sinh để mua TSCĐ	2.403.783.391	492.248.182	21.153.904.581			24.049.936.154
Tài sản phân bổ trực tiếp của bộ phận	186.031.656.974	95.427.051.730	26.628.615.770	189.854.386.229		497.941.710.703
Tài sản được theo dõi và quản lý chung					6.606.392.176	6.606.392.176
Tổng tài sản	186.031.656.974	95.427.051.730	26.628.615.770	189.854.386.229	6.606.392.176	504.548.102.879

2. Thông tin khác


Bình Định, ngày 25 tháng 01 năm 2018



Nguyễn Ngọc Minh
Kế toán tổng hợp



Thái Minh Trung
Kế toán trưởng

Đông Thị Anh
Tổng Giám đốc